

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16-7-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Thế.
2. Ông Phạm Chiến Thắng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nh- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Trung H, sinh năm 1974; địa chỉ: 39/20 khu phố B, phường A, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 15, khu phố B, phường Đ, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 01 năm 2019 và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Lê Trung H trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết Nh có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Dĩ An (nay là phường A, thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, đến cuối năm 2014 vợ chồng chuyển về sinh sống tại thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Khi mới cưới anh làm quản lý trong công ty, sau đó nghỉ việc công ty, kinh doanh khách sạn, vợ ở nhà nội trợ và quản lý phòng trọ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Nh có quan hệ với người đồng tính và tham gia chơi đánh bài ăn tiền nên nợ nần, vợ chồng anh phải bán toàn bộ nhà, đất tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh để trả nợ cho chị Nh. Sau khi bán toàn bộ nhà, đất tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2014, vợ chồng chuyển về sinh sống ở thị xã Dĩ An, anh và gia đình khuyên chị Nh không nên chơi với người đồng tính, bỏ bài bạc, tu chí làm ăn để lo cho gia đình nhưng Nh không nghe. Năm 2015 chị Nh dẫn theo các con ra ngoài ở cùng người phụ nữ khác. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Nh không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết Nh.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Ngọc Tr, sinh ngày 11/8/2002, Lê Ngọc Ch, sinh ngày 17/10/2006 và Lê Nguyên Th, sinh ngày 15/11/2011, hiện nay các con đang ở với chị Nh. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao 03 con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng/1 tháng) cho đến các khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết Nh:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ vào các ngày 18/4/2018 và 24/5/2019; tham gia phiên tòa vào các ngày 20/6/2019 và ngày 16/7/2019 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của anh H và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh H và chị Nh do Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiến hành ngày 22/4/2019, Hội Liên hiệp phụ nữ cung cấp thông tin như sau: Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải hôn nhân giữa anh Lê Trung H và chị Nguyễn Thị Tuyết Nh, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn và nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết Nh tham gia phiên tòa vào các ngày 20/6/2019 và ngày 16/7/2019 nhưng chị Nh vắng mặt không có lý do, anh Lê Trung H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 17/5/2019. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh H và chị Nh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trung H và chị Nguyễn Thị Tuyết Nh là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 02 ngày 28/3/2002 tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Dĩ An (nay là phường An Bình, thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập chị Nguyễn Thị Tuyết Nh đến cung cấp bản tự khai, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Trung H để Tòa án tiến hành hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Nh không có mặt. Anh H từ chối tham gia hòa giải vì xác định không còn tình cảm với chị Nh. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh H với chị Nh đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Anh H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do chị Nh có quan hệ không lành mạnh với người đồng tính, ham mê cờ bạc không quan tâm đến tình cảm gia đình. Quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập chị Nh để hòa giải nhưng chị Nh bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ, hàn gắn quan hệ hôn nhân với anh H. Anh chị đã có thời gian ly thân từ năm 2015 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau và không còn cùng nhau chăm sóc con chung, điều này cho thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh H, chị Nh có 03 con chung tên Lê Ngọc Tr, sinh ngày 11/8/2002, Lê Ngọc Ch, sinh ngày 17/10/2006 và Lê Nguyên Th, sinh ngày 15/11/2011. Quá trình tố tụng chị Nh không có ý kiến về việc trực tiếp nuôi dưỡng các con và cấp dưỡng, anh H có nguyện vọng giao cả 03 con cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn vì công việc của anh H thường xuyên đi làm xa không có điều kiện nuôi dưỡng các con và khi chị Nh chuyển ra ngoài sinh sống thì đưa cả 03 con đi theo. Xét, việc giao con cho ai chăm sóc phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu. Anh H thường xuyên đi làm xa theo công trình nên không có điều kiện để chăm

sóc các con, thêm nữa các cháu đều là con gái rất cần sự chăm sóc của mẹ và chị Nh cũng là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu từ khi anh, chị ly thân cho đến nay. Vì vậy, việc giao con chung cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh H với mức cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng 1 tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Trung H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trung H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết Nh (giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện Dĩ An (nay là phường A, thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/3/2002).

2. Về con chung:

2.1. Anh Lê Trung H giao con chung tên Lê Ngọc Tr, sinh ngày 11/8/2002, Lê Ngọc Ch, sinh ngày 17/10/2006 và Lê Nguyên Th, sinh ngày 15/11/2011 cho chị Nguyễn Thị Tuyết Nh trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Mỗi tháng anh Lê Trung H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con với mức 3.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng/ 1 tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Tuyết Nh có đơn yêu cầu thi hành án, anh Lê Trung H chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh H còn phải trả cho chị Nh tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn chị Nh phải tạo điều kiện cho anh H trong việc thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền ngăn cản anh H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Trung H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0028122 ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Lê Trung H còn phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND phường A, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Trần Thị Kim Hoa**